

Bản án số: 823/2019/DS-PT

Ngày: 20-9-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mạnh Đoan Trang

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Kim Phụng

Ông Đào Quốc Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đình Đông Quân, Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 713/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3551/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 6919/2019/QĐ-PT ngày 04/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A;

Địa chỉ: Số 130 đường P, Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Diệp Quốc D, sinh năm 1986

Theo quyết định ủy quyền số 058/QĐ-Q01 ngày 17/7/2019.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Số 61/9 đường số 48, khu phố 6, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc D có: Ông **Nguyễn Hồng K**, sinh năm 1958 (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 005989,

quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/11/2018 tại Văn phòng Công chứng Trần Quốc Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh).

Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Ngô Xuân T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 61/9 đường số 48, khu phố 6, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Xuân T có: Ông **Nguyễn Hồng K**, sinh năm 1958 (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 005988, quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/11/2018 tại Văn phòng Công chứng Trần Quốc Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh).

Có mặt tại phiên tòa.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc D - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP A do bà Hồ Thị Thu Trang là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 19/11/2013, Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị Ngọc D có ký hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 100/TC140/2013 với hạn mức là 800.000.000 đồng, thời hạn là 12 tháng, lãi suất là 1.35%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất thấu chi trong hạn, không có tài sản thế chấp. Sau khi Ngân hàng cấp hạn mức thấu chi cho bà D, ngày 19/11/2013 bà D đã sử dụng số tiền là 800.000.000 đồng, do bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đến ngày 19/11/2014 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân bà Nguyễn Thị Ngọc D phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 29/11/2018 là 1.706.689.702 đồng, trong đó tiền gốc là 800.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 112.349.702 đồng, lãi quá hạn là 794.340.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Xuân T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan luật sư Nguyễn Hồng K vắng mặt.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 713/2018/DS-ST ngày 30/11/2018, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền còn nợ tính đến ngày 29/11/2018 là 1.706.689.702 đồng (một tỷ bảy trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm tám mươi chín ngàn bảy trăm lẻ hai đồng), trong đó tiền gốc là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 112.349.702 đồng (một trăm mười hai triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm lẻ hai

đồng), lãi quá hạn là 794.340.000 đồng (bảy trăm chín mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) theo hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 100/TC140/2013 ngày 19/11/2013.

Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/11 /2018 theo hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 100/TC140/2013 ngày 19/11/2013 cho đến khi thanh toán xong số nợ còn lại của hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 100/TC140/2013 ngày 19/11/2013.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/12/2018, bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có ông Diệp Quốc D là người đại diện theo ủy quyền đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ngọc D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Đơn kháng cáo của bị đơn phù hợp và trong thời hạn kháng cáo.

Về nội dung: Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc D

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về áp dụng pháp luật:

Ngân hàng TMCP A và bà Nguyễn Thị Ngọc D có ký kết hợp đồng thấu chi tài khoản thẻ số 100/TC140/2013 ngày 19/11/2013 với số tiền 800.000.000

(tám trăm triệu) đồng. Như vậy, hợp đồng dịch vụ này đã được hai bên giao kết và có tranh chấp nên theo Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 19/11/2013 bà Nguyễn Thị Ngọc D có ký kết hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ với hạn mức là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng. Sau khi Ngân hàng cấp hạn mức thấu chi cho bà D ngày 19/11/2013, bà D đã sử dụng 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng chuyển từ tài khoản thẻ đến số tài khoản 0101749939 có tên Trần Khắc Trí. Do bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đến ngày 19/11/2014 Ngân hàng đã chuyển tòa bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Bà Duyên được nhân viên môi giới chứng khoán giới thiệu chỉ cần bỏ ra 50.000.000 (năm mươi triệu đồng) là sở hữu 100.000 (một trăm nghìn) cổ phiếu của Ngân hàng TMCP A, nên bà D đã ký kết hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ với hạn mức là 800.000.000 (tám trăm triệu) và chuyển toàn bộ số tiền từ tài khoản thẻ đến số tài khoản 0101749939 có tên Trần Khắc Trí nhằm mục đích mua cổ phiếu của Ngân hàng. Bà cũng thừa nhận có nhận được một thẻ Ngân hàng Đông Á và tại hợp đồng bà cũng có ký nhận vào. Như vậy việc vay số tiền trên là có và yêu cầu của bà xin hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

Các phần khác của bản án sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền còn nợ tính đến ngày 29/11/2018 là 1.706.689.702 (một tỷ bảy trăm lẻ sáu triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm lẻ hai) đồng, trong đó tiền gốc là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng, tiền lãi trong hạn là 112.349.702 (một trăm

mười hai triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm lẻ hai) đồng, lãi quá hạn là 794.340.000 (bảy trăm chín mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng theo hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 100/TC140/2013 ngày 19/11/2013.

Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/11/2018 cho đến khi thanh toán xong số nợ của hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 100/TC140/2013 ngày 19/11/2013

2. Về án phí dân sự sơ thẩm

Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 63.200.691 đồng (sáu mươi ba triệu hai trăm ngàn sáu trăm chín mươi một đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.557.746 đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn bảy trăm bốn mươi sáu đồng) theo biên lai thu số 0037995 ngày 25/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0023134 ngày 14/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Tòa án nhân dân quận Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mạnh Đoàn Trang

